

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học giáo dục; Chuyên ngành: Quản lý giáo dục.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐỖ HỒNG CƯỜNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 09/12/1974 Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 47 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

- Cơ quan: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 98 phố Dương Quảng Hàm, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Nhà riêng: Số 47 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024.39716466; Điện thoại di động: 0903294628;

E-mail: dhcuong@hnmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 12/1999 đến tháng 08/2006: Chuyên viên phòng Quản lý khoa học - Đối ngoại, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

Từ tháng 09/2006 đến tháng 11/2007: Giảng viên, Trưởng bộ môn Sinh học, khoa Tự nhiên, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

Từ tháng 12/2007 đến tháng 10/2008: Giảng viên, Tổ trưởng tổ Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014: Giảng viên, Trưởng phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

Từ tháng 01/2015 đến tháng 08/2016: Giảng viên đại học, Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Từ tháng 09/2015 đến tháng 02/2020: Giảng viên đại học, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2021: Giảng viên chính, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2024: Giảng viên chính, Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Từ tháng 03/2024 đến nay: Giảng viên chính, Hiệu trưởng, Trường ĐH Thủ đô Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 98 phố Dương Quảng Hàm, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02438330708.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH chính quy ngày 01 tháng 8 năm 1995, số văn bằng: A132511; ngành: Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, chuyên ngành: Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 1998, số văn bằng: 9867; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Sinh lý người và động vật; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 10 năm 2009, số văn bằng: 06501; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh lý người; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH tại chức ngày 08 tháng 01 năm 1998; số văn bằng: B117007; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu phát triển năng lực dạy học cho giáo viên ở các cơ sở giáo dục.

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu đổi mới quản trị nhà trường trong bối cảnh tự chủ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài cấp thành phố và 04 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 39 bài báo khoa học, trong đó 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 07 sách, cả 07 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 01 danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Thành phố” năm 2023 theo QĐ số 5174/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; 01 Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 6997/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 05 danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” liên tục từ 2018 - 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

** Tiêu chuẩn nhà giáo*

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ, nghiệp vụ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội:

Đã được cấp chứng nhận “Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên cao đẳng, đại học”, tháng 06/2016; Chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II”, tháng 11/2017 và được bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II) kể từ ngày 01/12/2020 theo Quyết định số 798/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 18/02/2021; Chứng nhận “Bồi dưỡng lãnh đạo cấp Sở và tương đương” tháng 6/2021; Chứng chỉ IC3, tháng 8/2016; Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 (CEFR), tháng 7/2017.

- Có tư cách đạo đức, phẩm chất tốt, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, nhiệt tình, tích cực trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên, học viên sau đại học trong học tập và nghiên cứu khoa học; có sức khỏe và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

** Nhiệm vụ nhà giáo*

- Nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của giảng viên, trong thời gian tham gia giảng dạy từ bậc đại học và sau đại học, tôi luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức định mức giảng dạy theo quy định, số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp luôn vượt mức 50% định mức giảng dạy theo quy định. Tích cực tham gia hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

- Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hoàn thành vượt mức định mức nghiên cứu khoa học theo quy định, liên tục đạt khen thưởng hạng mức cao trong công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Tham gia và chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở đạt kết quả tốt trở lên. Thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học công nghệ này, ngoài việc cung cấp những dẫn liệu, thông tin và công bố khoa học, còn hỗ trợ cho việc đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, cũng như nâng cao năng lực nghiên cứu của bản thân để từ đó chọn lọc đưa vào

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

áp dụng trong giảng dạy, đào tạo. Bên cạnh đó, tôi luôn tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo về khoa học trong nước và quốc tế.

- Các nhiệm vụ khác: bên cạnh công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn tích cực tham gia vào các công tác khác như: công tác Đảng, Đoàn thể, các hội đồng tư vấn chuyên môn, xây dựng, phát triển, điều chỉnh chương trình đào tạo cũng như những nhiệm vụ liên quan khác do Nhà trường phân công.

Trong thời gian công tác và giảng dạy, tôi luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường. Dựa vào Luật giáo dục; Luật giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, bản thân tôi tự đánh giá đạt tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: 10 năm 06 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	-	-	-	02	60	-	60/93,6/54
2	2019-2020	-	-	02	-	75	-	75/117/54
3	2020-2021	-	-	05	-	60	-	60/93,6/54
3 năm học cuối								
4	2021-2022	-	-	02	-	90	-	90/102,3/37,5
5	2022-2023	-	-	01	-	30	120	150/168,2/37,5
6	2023-2024	-	-	03	-	30	240	270/468,3/37,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, số bằng: B117007; năm cấp: 1998.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác: ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh; Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 (CEFR).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Tô Thị Thu Hương		x	x		08/2019 - 07/2020	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 304/QĐ-ĐHTĐHN ngày 17/03/2021
2	Hoàng Thị Bích Vân		x	x		08/2019 - 07/2020	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 304/QĐ-ĐHTĐHN ngày 17/03/2021
3	Nguyễn Phú Hiệp		x	x		07/2020 - 05/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 1225/QĐ-ĐHTĐHN ngày 10/12/2021
4	Nguyễn Văn Trung		x	x		07/2020 - 05/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 1225/QĐ-ĐHTĐHN ngày 10/12/2021
5	Nguyễn Thị Thu Hà		x	x		08/2020 - 01/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 57/QĐ-ĐHTĐHN ngày 25/01/2022
6	Lò Văn Luyện		x	x		01/2020 - 12/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 57/QĐ-ĐHTĐHN ngày 25/01/2022
7	Nguyễn Xuân Thắng		x	x		01/2020 - 12/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 57/QĐ-ĐHTĐHN ngày 25/01/2022

8	Phương Hà Lan		x	x	11/2021 - 08/2022	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 1339/QĐ-ĐHTĐHN ngày 08/11/2022
9	Đỗ Thị Mai Oanh		x	x	11/2021 - 08/2022	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 1339/QĐ-ĐHTĐHN ngày 08/11/2022
10	Nguyễn Thị Kim Ngân		x	x	11/2021 - 11/2022	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	QĐ số 74/QĐ-ĐHTĐHN ngày 01/02/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Sinh lí học trẻ em lứa tuổi Tiểu học	GT	NXB ĐHQGHN, 2018. Mã số: 2L-172ĐH2018, Số ĐKXB: 3629-2018/CXBIPH/05-327/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 1454LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 04/12/2018	2	Đỗ Hồng Cường	7-72	Giấy xác nhận của Trường ĐH Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024
2	Đa dạng sinh học	GT	NXB ĐHQGHN, 2019. Mã số: 1L-02ĐH2019, Số ĐKXB: 166-2019/CXBIPH/13-05/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 492LK-TN/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 06/08/2019	2	Đỗ Hồng Cường	7-40, 89-129	Giấy xác nhận của Trường ĐH Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024
3	Đấu tranh sinh học	GT	NXB ĐHQGHN, 2019. Mã số: 2L-04ĐH2019, Số ĐKXB: 210-2019/CXBIPH/03-11/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 540LK-TN/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 19/08/2019	2	Đỗ Hồng Cường	7-40, 98-106	Giấy xác nhận của Trường ĐH Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024
4	Sinh học đại cương	GT	NXB ĐHQGHN, 2019. Mã số: 1L-25ĐH2019, Số ĐKXB: 3077-2019/CXBIPH/04-246/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 611LK-TN/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 10/10/2019	2	Đỗ Hồng Cường	153-337, 357-417	Giấy xác nhận của Trường ĐH Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024
5	Thực hành phương pháp dạy môn khoa học tự nhiên	GT	NXB ĐHQGHN, 2022. Mã số: 2L-88ĐH2022, Số ĐKXB: 1281-2022/CXBIPH/22-	5	Đỗ Hồng Cường	9-34, 85-94	Giấy xác nhận của Trường ĐH

	niên ở trường Trung học cơ sở		133/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 515LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 05/05/2022				Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024
6	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý nhà trường	GT	NXB ĐHQGHN, 2024. Mã số ISBN: 978-604-43-1100-5, Số ĐKXB: 1001-2024/CXBIPH/39- 95/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 400LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 16/04/2024	4	Đỗ Hong Cường	175-218	Giấy xác nhận của Trường ĐH Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024
7	Dạy học phân hóa trong môn khoa học ở Tiểu học	CK	NXB ĐHQGHN, 2024. Mã số ISBN: 978-604-43-0643-8, Số ĐKXB: 651-2024/CXBIPH/37- 48/ĐHQGHN, QĐ xuất bản: 399LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN ngày 16/04/2024	2	Đỗ Hong Cường	101-198	Giấy xác nhận của Trường ĐH Thủ đô Hà Nội ngày 05/06/2024

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [7]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS: Không				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu xây dựng tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên THCS về đánh giá năng lực của học sinh	CN	01X-12/07-2013-2 Thành phố Hà Nội	09/2018- 08/2020	16/12/2020 Xếp loại: Khá
2	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp ngăn ngừa tệ nạn học đường, góp phần định hướng giá trị sống của học sinh THCS TP Hà Nội.	CN	C2019-03 Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	09/2019- 05/2020	18/06/2020 Xếp loại: Xuất sắc
3	Xây dựng tài liệu giáo dục STEM phục vụ đào tạo sinh viên sư phạm tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội	CN	C2020-44 Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	02/2021- 07/2021	22/07/2021 Xếp loại: Tốt
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ sinh thái học tập, sáng tạo ở các	CN	C2021-38 Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	11/2021- 04/2022	27/04/2022 Xếp loại: Xuất sắc

	cấp học trên địa bàn thành phố Hà Nội.				
5	Nghiên cứu tổ chức hoạt động của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo quan điểm tự chủ.	CN	C2023-09 Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	03/2023-09/2023	06/09/2023 Xếp loại: Tốt

Lưu ý:

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
	Tạp chí quốc tế							
1.	Mapping the Intellectual Structure of Studies on Internationalization of the Curriculum: A Bibliometric Analysis from the Scopus Database	06	x	European Journal of Educational Research ISSN: 2165-8714	Scopus Q2 IF ₂₀₂₄ = 1,686		Vol. 13, Issue 1, pp.379-395	01/2024
2.	Determinants of primary school teachers' intention of steam education in Thai Nguyen province, Vietnam	05		International Journal of Membrane Science and Technology E-ISSN: 2410-1869	Scopus Q4 (2022) IF ₂₀₂₂ = 1,0		Vol. 10, No.3, pp.2580-2596	09/2023
3.	Teaching Burnout in Student-Teachers and Professional Teachers: Teaching Burnout Across Teacher Groups, Genders and the Link of Teaching Burnout to Teaching Satisfaction	05	x	International Journal of Religion ISSN: 2633-352X (Print) ISSN: 2633-3538 (Online)	Scopus Q3		Vol. 5, No. 5, pp.832-841	04/2024
	Tạp chí Quốc gia							
4.	Hướng dẫn sinh viên tự học ngay từ giai đoạn khởi đầu trong đào tạo theo tín chỉ	02	x	Tạp chí giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 0866-7476			Số 265, kì 1, tr.18-20	07/2011
5.	Công tác dạy học ở trường THCS và nhu cầu bồi dưỡng	02		Tạp chí giáo dục			Số 299,	12/2012

	cho giáo viên phổ thông ở Hà Nội hiện nay.			Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 0866-7476			kì 1, tr.20-22	
6.	Đánh giá công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sau 3 năm thực hiện và một số bài học kinh nghiệm	01	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753			Số 360, kì 2, tr.59-61	06/2015
7.	Thực trạng tệ nạn học đường của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội	04	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753			Số 480, kì 2 tr.54-59	06/2020
8.	Thực trạng đánh giá năng lực học sinh của giáo viên trung học cơ sở các môn khoa học tự nhiên ở thành phố Hà Nội	03	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753			Số đặc biệt kỳ 1 tr. 99-104	11/2020
9.	Đề xuất cấu trúc năng lực tự học và đánh giá năng lực tự học của học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội	01	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753			Số 502, kì 2, tr.52-142	05/2021
10.	Thực trạng đào tạo giáo viên theo tiếp cận giáo dục STEM tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội	01	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753.			Số đặc biệt kỳ 1 tr.138-142	05/2021
11.	Nghiên cứu mô hình giáo dục STEM trong đào tạo giáo viên của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	05	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN:2354-1512			Số 52 tr.25-36	07/2021
12.	Tác động của giáo dục âm nhạc tự chọn đến khả năng vận động của học sinh tiểu học-một nghiên cứu tại Hà Nội.	02		Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753			Số đặc biệt tháng 11/2021 tr.62-67	11/2021
13.	Khó khăn và những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục STEM trong đào tạo giáo viên tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội	05	x	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN: 2615-8957			Tập 18, số 02 tr.46-52	02/2022
14.	Nghiên cứu mô hình hệ sinh thái học tập, sáng tạo trong các trường phổ thông	04	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN: 2354-1512			Số 59, tr.105-112	04/2022
15.	Một số biện pháp quản lý dạy học trực tuyến cho học sinh lớp 5 Tiểu học trong giai đoạn hiện nay	02	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN: 2354-1512.			Số 60, tr.76-85	05/2022
16.	Nâng cao chất lượng tuyển sinh ngành sư phạm của trường Đại học Thủ đô Hà Nội – thực trạng và giải pháp	01	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1075.			Tập 67, Số 4 tr.161-167	04/2022

17.	Approaches to Innovative Learning Ecosystem	04	x	VNU Journal of Science: Education Research ISSN 2615-9325, ISSN 2588-1159.			Vol.39, No.2 pp.09-20	11/2023
18.	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong dạy học chủ đề “Thực vật” (Tự nhiên và Xã hội 3) nhằm phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cho học sinh	03	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354- 0753.			Tập 23 (số đặc biệt 4), tr.69-73	05/2023
19.	Vận dụng phương pháp tình huống trong dạy học chủ đề “Con người và Sức khỏe” (Tự nhiên và Xã hội 3) nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	03	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354-0753.			Tập 23 (số đặc biệt 4) tr.156-160	05/2023
20.	Thiết kế bài tập tình huống trong dạy học môn Khoa học nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh tiểu học	06	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354-0753			Tập 23 (số đặc biệt 5) tr.48-53	06/2023
21.	Thực trạng giáo dục sáng tạo cho học sinh ở một số trường Tiểu học Thành phố Hà Nội	02	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN: 2354-0753			Tập 23 (số đặc biệt 6) tr.132-137	06/2023
22.	Thực trạng hoạt động dạy học trực tuyến và quản lý hoạt động này cho học sinh lớp 5 tại một số trường tiểu học quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	02	x	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam Viện Khoa học giáo dục Việt Nam ISSN: 2615-8957			Tập 19 số S1, tr.100-107	08/2023
23.	Một số nghiên cứu về Thành phố sáng tạo – Góc nhìn từ giáo dục	02	x	Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN 2354-1512			Số 73, tr.26-32	06/2023
24.	Hoàn thiện cơ chế phối hợp trong hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục đại học công lập – Thực tiễn tại trường đại học địa phương.	01	x	Tạp chí Quản lý giáo dục Học viện quản lý giáo dục ISSN: 1859-2910			Tập 15 số 11, tr.111-117	11/2023
25.	Postgraduate training needs among pedagogical students at Hanoi Metropolitan University: Current situation and solutions	01	x	Vietnam Journal of education ISSN 2588-1477, e-ISSN 2815-5572			Volume 7, Issue 3, pp.326-337	12/2023
26.	Thực trạng và biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội của giáo viên ở một số trường tiểu học thành phố Hà Nội.	01	x	Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo ISSN 2354- 0753			Tập 24 (Số đặc biệt 2), tr.218-223	02/2024

27.	Một số giải pháp sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ phát triển kinh tế xã hội Thủ đô Hà Nội bền vững	02	x	Tạp chí khoa học trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN 2354-1512			Số 79 tr.62-73	12/2023
28.	Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục STEAM tại các trường mầm non quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	02	x	Tạp chí Quản lý giáo dục ISSN 1859-2910			Tập 16, số 1, tr.146-153.	01/2024
29.	Nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn công nghệ bậc tiểu học ở trường liên cấp Việt – Úc	01	x	Tạp chí khoa học trường Đại học sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Tập 69, Số 2, tr.83-94.	04/2024
30.	Kiểm định, đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội – Những khó khăn và thách thức để thực thi tự chủ đại học	02	x	Tạp chí Quản lý giáo dục Học viện quản lý giáo dục ISSN: 1859-2910			Tập 16, số 5, tr.114-122	05/2024
Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế, quốc gia								
31.	Surveying the self-learning competency of fifth grade students in science, history and geography	04	x	Internationnal conference the autonomy of universities in scientific and technological activities suitable for the requirements of the 4 TH industrial revolution, Publishing house: Vietnam National University Press, Hanoi. ISBN:978-604-62-4759-3.			Tr.501-514	12/2018
32.	Nghiên cứu triển khai thử nghiệm E-learning tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội	03	x	Hội thảo khoa học Bộ Giáo dục và Đào tạo “Trường Đại học với việc xây dựng tài nguyên giáo dục mở đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời của người lớn”.			Tr.22-28	06/2019
33.	Nghiên cứu thực trạng tệ nạn học đường góp phần định hướng giá trị sống của học sinh tại một số trường THCS thành phố Hà Nội.	05	x	Hội thảo khoa học quốc gia “65 năm giáo dục Thủ đô và giá trị sống của người Hà Nội” NXB: ĐHQGHN ISBN:978-604-9864-67-4.			Tr.224-231	10/2019

34.	Chất lượng thật – Giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển của trường Đại học Thủ đô Hà Nội	01	x	Hội thảo khoa học quốc gia “Xây dựng nền giáo dục thực chất – Định hướng và giải pháp”. NXB: ĐHQGHN ISBN:978-604-342-191-0			Tr.36-43	09/2021
35.	Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ sinh thái giáo dục thông minh tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội	02	x	Hội thảo khoa học quốc gia “Tự chủ đại học và xây dựng mô hình đại học thông minh trong bối cảnh 4.0”. NXB: ĐHQGHN ISBN:978-604-369-628-8			Tr.631-645	05/2022
36.	Postgraduate education – a solution to enhance the quality of teachers to meet the challenges of educational reform	02	x	International conference proceedings “Quality assurance of application – oriented postgraduate education International Experience and practice in Vietnam” Publishing house: Social sciences publishing house ISBN:978-604-364-687-0			Pp.407-417	09/2023
37.	Development trends of graduate training programs in the world: a case study of Hanoi Metropolitan University	01	x	International conference proceedings “Quality assurance of application – oriented postgraduate education International Experience and practice in Vietnam” Publishing house: Social sciences publishing house ISBN:978-604-364-687-0			Pp.223-232	09/2023
38.	Organizing STEM-Oriented teaching on the theme of plant in science and social studies for elementary school students.	03	x	Proceedings of the 3 rd International Conference on Innovation in Learning Instruction			Pp.403-415	11/2023

				and Teacher Education – ILITE 3 “Digital transformation in education: perception, Action and prospect”. Publishing house: University of education publisher ISBN 978-604-54-5451-0				
39.	Factors influencing the skills of educating elegance and civility lifestyle for Ha Noi students: a case study with teacher education students at HaNoi metropolitan university	04	x	4 TH international conference on culture and education (ICCE 2023): “Educating culture values in the context of intermation integration”. ISBN 978-604-489-328-0			Pp.92-103	05/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 02

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không					

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U'V (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Ban Điều hành Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học	Tham gia	QĐ số 40/QĐ-CĐSPHN ngày 20/01/2015			Năm 2015
2	Ban Chỉ đạo Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học	Ủy viên thường trực	QĐ số 42/QĐ-CĐSPHN ngày 20/01/2015			Năm 2015
3	Ban Biên tập Chương trình đào tạo cấp Trường	Tham gia	QĐ số 41/QĐ-CĐSPHN ngày 20/01/2015			Năm 2015
4	Ban Chỉ đạo Đề án soạn thảo chương trình đào tạo và biên soạn giáo trình trình độ đại học.	Phó Trưởng ban	QĐ số 69/QĐ-ĐHTĐHN ngày 25/01/2016			Năm 2016
5	Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học.	Phó Trưởng ban	QĐ số 208/QĐ-ĐHTĐHN ngày 10/3/2016			Năm 2016
6	Ban Chỉ đạo soạn thảo chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình trình độ đại học.	Phó Trưởng ban	QĐ số 251/QĐ-ĐHTĐHN ngày 22/03/2016			Năm 2016
7	Ban Biên tập chương trình đào tạo trình độ đại học	Trưởng ban	QĐ số 1067/QĐ-ĐHTĐHN ngày 21/12/2016			Năm 2016
8	Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học.	Phó Trưởng ban	QĐ số 09/QĐ-ĐHTĐHN ngày 06/01/2017			Năm 2017
9	Ban Chỉ đạo soạn thảo chương trình đào tạo và biên soạn giáo trình trình độ đại học.	Phó Trưởng ban	QĐ số 346/QĐ-ĐHTĐHN ngày 18/04/2017			Năm 2017
10	Ban Biên tập chương trình đào tạo trình độ đại học.	Trưởng ban	QĐ số 429/QĐ-ĐHTĐHN ngày 05/05/2017			Năm 2017
11	Ban Chỉ đạo soạn thảo chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình trình độ đại học năm 2018.	Phó Trưởng ban	QĐ số 170/QĐ-ĐHTĐHN ngày 30/01/2018			Năm 2018
12	Ban biên tập chương trình đào tạo trình độ đại học.	Trưởng ban	QĐ số 259/QĐ-ĐHTĐHN ngày 09/03/2018			Năm 2018
13	Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học năm 2018.	Phó Trưởng ban	QĐ số 171/QĐ-ĐHTĐHN ngày 30/01/2018			Năm 2018

14	Ban Biên tập điều chỉnh 19 chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng.	Trưởng ban	QĐ số 314/QĐ-ĐHTĐHN ngày 12/04/2019			Năm 2019
15	Ban Chỉ đạo soạn thảo chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2019.	Phó Trưởng ban	QĐ số 521/QĐ-ĐHTĐHN ngày 31/05/2019			Năm 2019
16	Ban Chỉ đạo điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng năm 2019.	Phó Trưởng ban	QĐ số 79/QĐ-ĐHTĐHN ngày 23/01/2019			Năm 2019

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Sách chuyên khảo uy tín “Đỗ Hồng Cường, Phạm Việt Quỳnh, (2024) Dạy học phân hóa trong môn khoa học ở Tiểu học”, NXB ĐHQGHN. Mã số ISBN: 978-604-43-0643-8

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

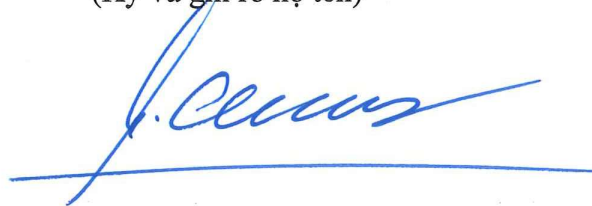
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Hồng Cường